TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2019
V/v : Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đốc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :***

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà : Ông **Hoàng Liên Sơn**
Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**
2/ Bà **Lê Thị Tân**

- ***Thư ký phiên tòa*****:** Ông **Đỗ Xuân Trường**– Thư ký Tòa án
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên Toà*****:** Bà **Nguyễn Thùy Linh**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 284/2019/HNGĐ-ST ngày 02/5/2019, về việc: "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXX-ST ngày 02/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐ-ST ngày 20/8/2019; Giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Ông **Nguyễn Ngọc Th-** Sinh 1957;(Vắng mặt)
Địa chỉ: Số134 phố D, phường T, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh;

BỊ ĐƠN: Bà **Nguyễn Thị Kim T**- Sinh 1957**;** (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 14 phố V, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 13/12/2018, Bản tự khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/9/1984 tại UBND phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 14 phố V, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tháng 5/1988, ông đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa

dân chủ Đức và ở lại cho đến năm 2017 mới về Việt Nam. Khi về Việt Nam, ông không sống với bà Tân mà sinh sống tại số134 phố D, phường T, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, cho đến nay.

Trong thời gian ông đi xuất khẩu lao động, do bà T có những hành động hỗn láo với bố mẹ ông, nên ông đã không liên lạc gì với bà T. Năm 1999, ông về Việt Nam thăm người thân, nhưng không đến gặp bà T. Ông và bà T đã sống ly thân nhiều năm, ông không còn tình cảm với bà T, ông xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L- Sinh 1984. Hiện nay con chung đã trưởng thành có gia đình, ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: ông và bà T không có tài sản chung.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2019 , bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn của bà và ông Th đúng như ông Th trình bày.

Sau khi kết hôn với ông Th, vợ chồng chung sống tại nhà của bố, mẹ bà tại ngõ 14 phố V.

Năm 1988, ông Th đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Từ khi ông Th đi cho đến nay, ông Th không liên lạc với mẹ con bà, không về thăm vợ con lần nào. Ông Th không bao giờ gửi tiền về cho bà nuôi con. Từ 30 năm nay, ông Thvô tình, vô nghĩa với vợ con.

Năm 2017, ông Th về Việt Nam sinh sống nhưng không đến thăm bà cùng con. Con bà đến bây giờ cũng chưa biết mặt bố. Nay ông Th xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: bà và ông Th có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L- Sinh 1984. Từ nhỏ cho đến nay, bà là người trực tiếp nuôi con. Hiện nay con chung đã trưởng thành có gia đình, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai trình bày của các đương sự, tài liệu xác minh của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

- Việc thụ lý vụ án "tranh chấp ly hôn" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

- Quá trình giải quyết, các đương sự đều vắng mặt.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về tình cảm: xác định ông Th, bà T đã sống ly thân từ năm 1988 cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Th.

- Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: không xem xét.

Về án phí: Ông Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1]Việc ông Nguyễn Ngọc Th làm đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T (trú tại: số 14 phố V, phường BB, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Th: căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn, lời khai thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/9/1984 tại UBND phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai thừa nhận của ông Th, bà T cùng cung cấp của địa phương thể hiện: ông Th, bà T sau khi kết hôn chung sống với nhau đến năm 1988 thì ông Th đi xuất khẩu lao động. Cũng từ đó ông Th không quay về chung sống với bà T, cũng không

liên lạc với bà T. Ông Th là người thiếu trách nhiệm, từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay, ông không quan tâm đến vợ con, không về thăm mẹ con bà T.

Xét thấy, cuộc sống chung của ông Th, bà T đã không còn từ năm 1988, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Th. Cho ông Th ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

[2.2] Về con chung: Xác định vợ chồng ông Th, bà T có có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L- Sinh 1984. Con chung đã trưởng thành có gia đình riêng, nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung là động sản và bất động sản: ông Th, bà T xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Ngọc Th phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Th đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 02325 ngày 25/4/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tiểu mục 1.1 khoản 1, điểm e tiểu mục 1.3 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

[1]Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Th. Cho ông Nguyễn Ngọc Th ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

[2]*Về con chung*: Xác định vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Kim T có có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L- Sinh 1984. Con chung đã trưởng thành có gia đình riêng, nên không xét.

[3]*Về tài sản chung là động sản và bất động sản:* ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]*Về án phí*: ông Nguyễn Ngọc Th phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Ngọc Th đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 02325 ngày 25/4/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. Hai Bà Trưng;*
- *UBND phường Bùi Thị Xuân;*
-*Lưuhồsơ.*

Hoàng Liên Sơn